刑事聲請檢察官提起上訴狀
ĐƠN XIN CÔNG TỐ VIÊN ĐƯA RA KHÁNG ÁN HÌNH SỰ

案號 Mã án	年度 Số	字第 chữ	號 năm	承辦股別 Phòng ban đảm nhiệm	
訴訟標的 金額或價額 Giá hoặc số tiền mục tiêu tố tụng	新台幣 Đồng Tân Đài Tệ			元	
稱謂 Danh xưng	姓名或名稱 Họ tên hoặc tên gọi	依序填寫：國民身分證號碼或營利事業統一編號、性別、出生年月日、職業、住居所、就業處所、公務所、事務所或營業所、郵遞區號、電話、傳真、電子郵件位址、指定送達代收人及其送達處所。 Điền theo thứ tự: số chứng minh thư hoặc mã số thống nhất đăng ký kinh doanh, giới tính, ngày tháng năm sinh, nghề nghiệp, nơi ở, nơi làm việc, văn phòng công vụ, văn phòng làm việc hoặc văn phòng kinh doanh, mã bưu chính, điện thoại, fax, địa chỉ email, chỉ định người nhận tống đạt thay và nơi tống đạt của họ.			
聲請人 （即告訴人）		身分證字號（或營利事業統一編號）：			

Người xin (là người kiện)		Số chứng minh thư (hoặc mã số thống nhất đăng ký kinh doanh): 出生年月日： Ngày tháng năm sinh: 戶籍地： Địa chỉ hộ khẩu: 住所地： Nơi ở : 聯絡電話： Điện thoại liên hệ: 電子郵件位址： Địa chỉ email: 送達代收人： Người nhận tống đạt thay: 送達處所： Nơi tống đạt: 身分證字號（或營利事業統一編號）： Số chứng minh thư (hoặc mã số thống nhất đăng ký kinh doanh):
被告 Bị cáo		性別：男／女　生日：　職業： Giới tính: nam/nữ　Ngày sinh:　Nghề nghiệp: 住： Cư trú: 聯絡電話： Điện thoại liên hệ:

為聲請檢察官提起上訴事：
Về việc xin công tố viên đưa ra kháng án:

一、聲請人告訴被告　　一案，經 貴署　　年度　字 1. Vụ án　　người xin kiện bị cáo, đã
第　　號起訴（聲請簡易判決處刑）在案，而該案由臺灣 khởi kiện (xin giải quyết theo phán quyết đơn giản) trong hồ sơ số　　chữ năm　　tại qúy Sở, mà vụ án này được
橋頭地方法院　　年度　　字第　　號判處有期徒刑 tòa án địa phương Kiều Đầu Đài Loan tuyên án số　　chữ　　năm　　có hạn phạt tù
年　月，聲請人對該裁判不服特於法定期間內聲請檢察 tháng　　năm　　, người xin đối với phán quyết này không phục đặc biệt trong thời hạn pháp luật quy định xin công tố
官上訴。 viên kháng án.
二、上訴理由如下： 2. Lý do kháng án như sau:
謹　狀 Kính đơn
臺灣橋頭地方檢察署　公鑒 Sở kiểm sát địa phương Kiều Đầu Đài Loan　　Công giám

證據名稱 及件數 Tên bằng chứng và số lượng	

中 華 民 國　　年　　月　　日
Trung Hoa Dân Quốc　　ngày　　tháng　　năm

具狀人　　簽名蓋章
Người đệ đơn　　Ký tên đóng dấu

撰狀人　　簽名蓋章
Người làm đơn　　Ký tên đóng dấu